

KIỂM ĐỊNH KHÁNG CỰ 1.250

TÂM ĐIỂM THỊ TRƯỜNG

Triển vọng tích cực của ngành Vận tải biển năm 2025

Thông tư 39/2023/TT-BGTVT ngày 25/12/2023 của Bộ GTVT ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam đã nâng toàn bộ mức phí sàn dịch vụ của cảng biển trung bình lên khoảng 10%, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng doanh thu của các doanh nghiệp vận hành cảng biển.

Lạm phát toàn cầu đã hạ nhiệt, kéo theo sự cải thiện của sản lượng hàng hóa thông qua cảng. Đồng thời, nhu cầu từ thị trường quốc tế cũng phục hồi mạnh mẽ, được hỗ trợ bởi các chính sách giảm lãi suất từ các ngân hàng trung ương, tạo đà cho sự tăng trưởng ổn định trong giai đoạn tới.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Xu hướng VN-INDEX ngắn hạn

VN-Index tăng 6,75 điểm trong phiên 17/01 kết phiên ở mức 1.249,11 điểm. Thanh khoản giảm 13,39% so với phiên giao dịch ngày 16/01. Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh gần hơn 475 tỷ đồng trên HOSE.

Thị trường khả năng kiểm định lại vùng kháng cự 1.250-1.260 điểm trong phiên giao dịch ngày 20/01/2025. VN-Index có tuần giao dịch khá tích cực khi thoát khỏi xu hướng giằng co và kết tuần gần vùng kháng cự 1.250 điểm. Tuy nhiên, khối ngoại duy trì bán ròng và diễn biến thị trường trước Tết vẫn ở mức âm ảm, với thanh khoản vẫn ở mức thấp, cho thấy dòng tiền còn khá thận trọng. Mặc dù nguy cơ điều chỉnh ngắn hạn có thể tiếp tục xuất hiện trong thời gian tới, nhưng kỳ vọng đà tăng sẽ tiếp tục duy trì với thanh khoản cải thiện dần, góp phần nâng đỡ thị trường trong các phiên tiếp theo.

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VNINDEX



Chỉ báo	RSI 14	MFI	MA10	MA20	MA50	MA100
Giá trị	48,94	24,73	1.241,29	1.253,94	1.249,99	1.260,41
Hành động	Quan sát	Quan sát	Mua	Quan sát	Quan sát	Quan sát

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

GMD

Khuyến nghị: **Mua**

TP: 72.000 VND | UPSIDE: +16%

Chiến lược hành động

MUA: Nhà đầu tư có thể giải ngân cổ phiếu có triển vọng tăng trưởng cụ thể, ưu tiên cổ phiếu được kỳ vọng có KQKD quý 4/2024 tăng trưởng tốt

BÁN: NĐT duy trì tỷ trọng hợp lý, xem xét cơ cấu danh mục các mã yếu hơn thị trường chung để bảo vệ lợi nhuận, hạ tỷ trọng danh mục khi VN-Index mất ngưỡng hỗ trợ 1.230 điểm.

Tổng quan thị trường

Thị trường	Giá trị	%Δ
VN-Index		
Đóng cửa	1.249,11	0,54
KLCP (triệu CP)	432,98	-13,39
GTGD (tỷ VND)	10.279	-22,81
Khớp lệnh	8.206	-13,28
Thỏa thuận	2.072	-63,72
HNX-Index		
Đóng cửa	222,48	0,74
KLCP (triệu CP)	49,31	21,95
GTGD (tỷ VND)	753,3	42,59
UPCoM		
Đóng cửa	93,11	0,75
KLCP (triệu CP)	44,72	40,56
GTGD (tỷ VND)	608,2	31,22

Diễn biến TTCK Mỹ: Cổ phiếu tăng vào thứ sáu, khi ba chỉ số index chính công bố mức tăng hàng tuần đầu tiên của năm mới. Dow Jones tăng 334,70 điểm, hay 0,78%, đóng cửa ở mức 43.487,83. S&P 500 tăng 1% lên 5.996,66 và Nasdaq tăng 1,51% lên 19.630,20.

Thế giới: Theo các nhà phân tích, triển vọng xuất khẩu năm 2025 của Hàn Quốc khá ảm đạm, bởi sự trì trệ của kinh tế Trung Quốc và biến động chính trị tại Mỹ. Cộng đồng doanh nghiệp Hàn Quốc tin rằng khi mức tăng trưởng kinh tế Trung Quốc không lạc quan thì mối lo ngại với kinh tế Hàn Quốc ngày càng lớn hơn. Nếu kinh tế Trung Quốc tiếp tục trì trệ, việc "giải phóng hàng tồn kho" và đẩy giá thấp của nền kinh tế lớn nhất châu Á dự kiến sẽ nổi lên như một thách thức khác đối với nền kinh tế Hàn Quốc. Một nguy cơ khác cũng được nêu ra là các sản phẩm giá rẻ của Trung Quốc không tìm được thị trường trong nước do nhu cầu nội địa trì trệ có thể tràn vào các thị trường nước ngoài như Hàn Quốc. Nếu hoạt động "đẩy xuất khẩu" của Trung Quốc tăng cường, các nhà sản xuất và phân phối nhỏ của Hàn Quốc có thể bị ảnh hưởng nặng nề bởi cuộc tấn công của hàng giá rẻ của Trung Quốc.

Việt Nam: Báo cáo Triển vọng Kinh tế Toàn cầu mới nhất của Ngân hàng Thế giới (WB) vừa công bố đáng giá, ngay cả khi nền kinh tế toàn cầu ổn định trong hai năm tới, các nền kinh tế đang phát triển dự kiến sẽ đạt được tiến bộ chậm hơn trong việc bắt kịp mức thu nhập của các nền kinh tế tiên tiến. Mặc dù thấp hơn so với mục tiêu để ra 8% năm 2025 song WB dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2025 và 2026 dẫn đầu khu vực Đông Á và Thái Bình Dương. Trong khi đó, nền kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ tăng trưởng 2,7% trong cả năm 2025 và 2026, cùng tốc độ như năm 2024, khi lạm phát và lãi suất giảm dần. Tăng trưởng ở các nền kinh tế đang phát triển cũng dự kiến sẽ ổn định ở mức khoảng 4% trong hai năm tới.

Tỷ giá USD/VND: Tỷ giá tự do giảm xuống mức 25.330.

LNG: Theo số liệu từ Cơ quan Năng lượng quốc tế (IEA), nhu cầu LNG toàn cầu dự kiến sẽ tăng 10% trong năm tới, gây áp lực lớn lên các thị trường đang phát triển. Chẳng hạn, châu Âu đã tăng cường nhập khẩu LNG từ Mỹ và Qatar để giảm sự phụ thuộc vào Nga, trong khi Trung Quốc và Ấn Độ tìm kiếm các nguồn cung thay thế từ châu Phi và Trung Đông.

BSR & GAS: Công ty CP Lọc hóa Dầu Bình Sơn (BSR) và Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV GAS) vừa đã ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện. Theo đó, PV GAS và BSR ký kết hợp tác toàn diện trên nhiều lĩnh vực dựa trên thế mạnh và tiềm năng hợp tác, nhằm tối ưu hóa nguồn lực, nâng cao hiệu quả hoạt động của hai đơn vị, cũng như mở ra các cơ hội phát triển mới. Cụ thể, 2 đơn vị sẽ tiếp tục thúc đẩy hợp tác truyền thống trong lĩnh vực kinh doanh LPG; hợp tác đầu tư nghiên cứu các cấu tử phối trộn xăng có chỉ số octan cao để nâng cao chất lượng, gia tăng sản phẩm xăng dầu chất lượng cao cung cấp cho thị trường; nghiên cứu tiến tới cung cấp LNG thay thế một phần cho các nhiên liệu đốt lò truyền thống giúp giảm phát thải cho Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, đảm bảo tính hiệu quả, cạnh tranh; hợp tác phát triển trong lĩnh vực cung cấp nguyên liệu cho hóa dầu; chia sẻ hạ tầng có thể dùng chung giữa 2 đơn vị.

TPB: Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank) vừa công bố kết quả kinh doanh năm 2024, ghi nhận lợi nhuận trước thuế gần 7.600 tỷ đồng, tăng 36% so với năm 2023 và vượt kế hoạch đề ra tại Đại hội đồng cổ đông. Tỷ lệ lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE) duy trì trên 17%. Tổng tài sản đạt hơn 418.000 tỷ đồng, tăng 17% so với năm trước và vượt kế hoạch 7%. Vốn điều lệ cũng tăng lên mức 26.420 tỷ đồng. Ngân hàng này cũng ghi nhận việc thực hiện quản trị rủi ro tốt với tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát tốt dưới 2%. Ngoài ra, năm 2024 cũng là cột mốc quan trọng với TPBank khi thu hút thêm 2,1 triệu khách hàng mới, nâng tổng số khách hàng lên 14,1 triệu, tăng 10 triệu khách chỉ trong 4 năm. Tiền gửi không kỳ hạn (CASA) đạt gần 54.000 tỷ. đồng, tăng 14,44% so với năm trước, thuộc top ngân hàng có tốc độ tăng trưởng CASA cao nhất hệ thống.

Chứng khoán thế giới

Thị trường	Điểm số	%Δ	YTD
SP500	5.996,66	1,00	2,18
DJIA	43.487,83	0,78	2,58
Nasdaq	19.630,20	1,51	1,81
Shanghai	3.241,82	0,18	-0,64
Hang Seng	19.584,06	0,31	-0,20

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Δ	YTD
Vàng	2.700,99	-0,48	1,61
Dầu WTI	77,88	-1,24	6,50
Dầu Brent	80,79	-0,68	6,44
Than	114,70	0,22	-8,42
Đồng	4,3300	-1,62	8,50
Quặng sắt	101,21	1,01	-2,32
Thép	453,62	1,22	1,43

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá (USD)	%Δ	YTD
DXY	109,41	0,41	0,11
USD/JPY	156,31	0,68	-0,74
USD/CNY	7,3409	-0,07	0,00
EUR/USD	1,0272	-0,31	0,08
GBP/USD	1,2164	-0,58	-1,74

GMD

(HOSE)

Khuyến nghị	Mua
Giá hiện tại (17/01/2025)	62.000
Giá mục tiêu	72.000
Tiềm năng tăng trưởng	16%–18%
Vùng mua	61.000–62.000
Ngưỡng cắt lỗ	<58.500

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

Lũy kế 9T2024, Doanh thu thuần GMD tăng trưởng mạnh svck đạt 3.420 tỷ đồng (+22% svck) nhờ đà phục hồi thương mại đặc biệt tại cảng Nam Đình Vũ và Gemalink. LNST của Cổ đông Công ty mẹ đạt 1.225 tỷ đồng (-42% svck), chủ yếu do không còn khoản lãi bất thường 1.840 tỷ đồng chuyển nhượng vốn đầu tư cảng Nam Hải Đình Vũ.

Vị trí thuận lợi góp phần tăng trưởng sản lượng hàng hóa vận chuyển: Cảng nước sâu Gemalink hưởng lợi nhờ có vị trí thuận lợi nhất tại khu vực Cái Mép – Thị Vải, hợp tác cùng hãng tàu quốc tế giúp thu hút khách hàng và xu hướng gia tăng kích cỡ tàu container cũng như hàng hóa vận chuyển gia tăng. Trung bình, cảng đón 5–6 lượt tàu/tuần, tương đương cùng kỳ năm trước, nhưng khối lượng trung bình tăng lên

Dự án Nam Đình Vũ 3 sẽ đi vào hoạt động cuối năm 2025 dự kiến nâng công suất của cụm cảng Nam Đình Vũ lên 1,8 triệu TEU. Ngoài ra việc nâng cấp, nạo vét luồng kênh Hà Nam sẽ giúp Nam Đình Vũ đón được thêm tàu cỡ 48.000 DWT từ đó gia tăng sản lượng.

Dự án Gemalink GD 2A và 2B sẽ bắt đầu xây dựng vào Q2.2025. Hai dự án sẽ nâng tổng công suất của Gemalink khi các dự án đạt mức tối đa trong hoạt động lên thêm lần lượt 600.000 TEUs cho GML 2A từ Q3/2026 và 900.000 TEUs cho GML 2B từ Q3/2028. Ngoài ra, Gemalink muốn làm cụm cảng Cái Mép Hạ với quy mô 50.000 tỷ đồng dựa vào khả năng đảm bảo lưu lượng hàng hóa ổn định từ mối quan hệ hợp tác chặt chẽ cùng Tập đoàn CMA – CGM thuộc liên minh Ocean Alliance

Đối tác chiến lược lâu dài: CMA – CGM giữ vai trò trong liên minh Ocean Alliance (Với COSCO/OOCL và Evergreen) và thỏa thuận được gia hạn đến năm 2032. Sự bền vững trong mối quan hệ chiến lược kỳ vọng sẽ duy trì sản lượng đi qua khu vực Gemalink được duy trì ổn định trong dài hạn.

Thông tin doanh nghiệp

Phân ngành ICB L2	Hàng & dịch vụ công nghiệp
Biến động giá 1Y	55.820–72.820
KLGBQ 10D (CP)	743.590
Vốn hóa (tỷ đồng)	23.335,74
BVPS	10.887
P/E (lần)	14,54
P/B (lần)	1,59
EPS (VND)	4.208,15
SL CPLH (triệu CP)	413,98
Tỷ lệ free–float (%)	90,00
Tỷ lệ sở hữu NĐTNN (%)	45,58
ROA (%)	5,26
ROE (%)	14,78

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

GMD đang tích cực lấy lại các mốc MA ngắn và dài hạn. Đồng thời các chỉ báo MFI, RSI đang dần tiến về vùng mua an toàn. Cần quan sát thêm diễn biến thị trường và dòng tiền để có điểm mua tốt nhất.



Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
Xu hướng ngày	-	Tăng
Xu hướng tuần	-	Đi ngang
Xu hướng tháng	-	Đi ngang
RSI 14	40,95	Quan sát
MFI	36,19	Quan sát
MA10	62,10	Quan sát
MA20	64,00	Quan sát
MA50	64,78	Quan sát
MA100	65,02	Quan sát

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+ / -
Danh mục theo dõi										
1	NT2	Theo dõi	20,2–20,6			23.500	19.400			

Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua

1	HPG	Nắm giữ	25,6–26,0	25/11/2024	26.000	29.600	24.500			1,9%
2	KBC	Nắm giữ	27,1–27,6	27/11/2024	27.500	31.500	26.000			8,5%
3	PAN	Nắm giữ	22,2–22,8	10/12/2024	22.450	25.800	21.400			13,1%
4	VGC	Nắm giữ	43,0–44,0	24/12/2024	44.000	54.000	41.500			12,7%
5	BCM	Nắm giữ	67,5–69,5	27/12/2024	68.800	82.300	64.900			0,6%
6	HAG	Nắm giữ	11,8–12,4	30/12/2024	11.800	16.900	11.600			0,0%
7	PLX	Nắm giữ	37,5–38,2	08/01/2025	37.400	44.700	36.000			7,0%
8	TCB	Nắm giữ	23,5–23,9	09/01/2025	23.750	27.000	22.500			2,7%
9	VCG	Nắm giữ	17,5–17,8	10/01/2025	18.000	20.900	16.800			8,6%
10	BVH	Nắm giữ	48,3–49,3	13/01/2025	49.000	56.000	46.400			6,5%
11	ACB	Nắm giữ	24,6–25,0	15/01/2025	24.650	28.000	23.600			1,2%
12	NLG	Nắm giữ	31,8–32,3	16/01/2025	32.200	38.000	30.400			2,8%
13	VPB	Nắm giữ	18,8–19,2	17/01/2025	18.300	22.200	18.000			0,5%
14	VIB	Nắm giữ	19,2–19,6	17/01/2025	19.650	22.500	18.400			1,0%
15	HAX	Nắm giữ	16–16,5	17/01/2025	16.500	18.500	15.400			1,8%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+ / -
1	BFC	Chốt lời	38-38,8	16/12/2024	38.000	45.500	36.500	25/12/24	41.650	9,6%
2	HAX	Chốt lời	15,9-16,3	18/12/2024	16.350	18.200	15.400	25/12/24	17.750	8,6%
3	DDV	Chốt lời	19,0-19,8	23/12/2024	19.900	23.000	18.400	25/12/24	21.000	5,5%
4	PVT	Chốt lời	27,2-27,6	20/12/2024	27.600	32.300	26.000	26/12/24	28.300	2,5%
5	TNG	Chốt lời	24,7-25,0	02/12/2024	24.900	28.500	23.700	27/12/24	26.300	5,6%
6	DHC	Chốt lời	35,0-35,6	23/12/2024	36.000	40.000	33.500	30/12/24	38.350	6,5%
7	MSN	Cắt lỗ	70,4-71,5	11/11/2024	71.300	79.000	67.400	31/12/24	70.800	-0,7%
8	PDR	Chốt lời	20,6-21,0	20/11/2024	19.900	24.000	19.800	31/12/24	20.950	5,3%
9	CTG	Chốt lời	33,2-33,7	21/11/2024	33.600	36.800	31.900	31/12/24	38.700	15,2%
10	VNM	Cắt lỗ	63,3-64,0	26/11/2024	64.400	72.200	60.500	31/12/24	63.800	-0,9%
11	VHC	Chốt lời	72,6-73,4	21/11/2024	70.500	82.500	69.400	03/01/25	71.900	2,0%
12	CTD	Chốt lời	64,8-66,0	03/12/2024	65.500	75.000	62.100	03/01/25	69.900	6,7%
13	PNJ	Chốt lời	92,8-93,5	04/12/2024	93.500	108.000	88.600	03/01/25	97.900	4,7%
14	REE	Chốt lời	65,0-66,3	17/12/2024	66.000	73.000	62.300	03/01/25	67.300	2,0%
15	MWG	Cắt lỗ	60,0-61,0	25/12/2024	61.300	80.000	57.500	03/01/25	60.700	-1,0%
16	MSB	Chốt lời	11,2-11,5	25/12/2024	11.300	13.000	10.850	03/01/25	11.550	2,2%
17	DGC	Chốt lời	106-108	06/11/2024	107.400	124.000	103.000	06/01/25	116.000	7,5%
18	DBC	Chốt lời	26,6-27,0	17/12/2024	26.800	30.500	25.500	06/01/25	27.950	3,5%
19	IDC	Chốt lời	55,6-56,5	18/12/2024	56.200	64.500	53.100	06/01/25	55.400	-1,6%
20	CTR	Chốt lời	122-125,5	30/12/2024	122.000	145.000	117.700	10/01/25	127.500	4,2%

Email: research@lpbs.com.vn

Website: [Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank \(lpbs.com.vn\)](http://Cong Ty Cổ Phần Chứng Khoán LPBank (lpbs.com.vn))

Mở tài khoản LPBS tại:



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê tại báo cáo này được LPBS lập dựa trên nguồn thông tin chính thống và đáng tin cậy tại thời điểm LPBS phát hành báo cáo. Báo cáo được lập với mục đích cung cấp thông tin khái quát về thị trường, dự báo và cảnh báo được sử dụng làm thông tin tham khảo trong nội bộ LPBS và thông tin tham khảo cho nhà đầu tư.

Các ý kiến tại báo cáo được đưa ra sau khi đã được cẩn thận xem xét kỹ càng dựa trên những thông tin mà cá nhân chúng tôi đánh giá là tốt nhất tại thời điểm thu nhập được. Báo cáo này có giá trị tham khảo và không nên được giải như một lời đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. LPBS được miễn trừ trách nhiệm đối với thiệt hại hoặc sự kiện bị coi là thiệt hại do sử dụng nội dung trong báo cáo này.

Bản quyền báo cáo thuộc về LPBS, mọi hành vi trích dẫn, sao chép, sửa đổi, phát hành báo cáo là vi phạm bản quyền nếu chưa được sự đồng ý bằng văn bản của LPBS.